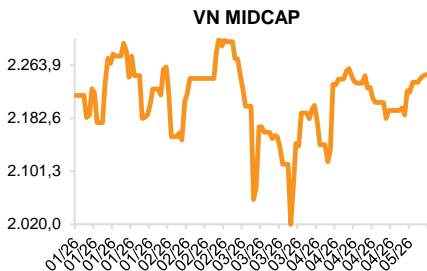
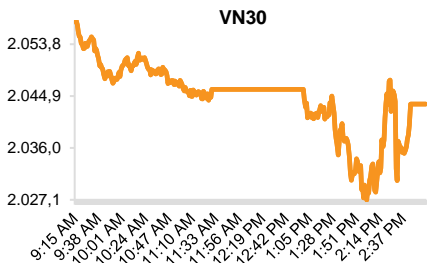
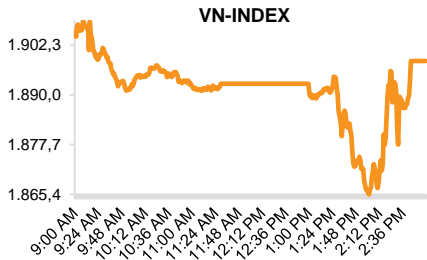


KHÓI PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ VNDIRECT
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

📍 Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội
☎ +84 2439724568
✉ Research@vndirect.com.vn
🌐 vndirect.com.vn



Hình 1: DIỄN BIẾN CHỈ SỐ

Chỉ số	HOSE	HNX	UPCOM
Giá đóng cửa (điểm)	1.898,4	254,6	126,3
1 ngày (%)	-0,1	0,5	-0,3
1 tháng (%)	7,9	1,2	-1,1
Từ 2026	6,4	2,4	4,4
1 năm (%)	46,8	16,8	33,6
Vốn hóa (nghìn tỷ VND)	339	15	25
Thanh khoản khớp lệnh (nghìn tỷ VND)	1,1	0,8	0,3
Số mã tăng	143	62	112
Số mã giảm	170	74	113
Số mã tham chiếu	89	160	515

Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Thị trường chứng khoán

VN-Index giảm 0,1%, thanh khoản thị trường cải thiện

Phiên giao dịch ngày 13/5/2026, VN-Index đóng cửa tại 1.898,4 điểm (-2,7 điểm, -0,1%), tiếp tục dao động quanh vùng 1.900 điểm trong bối cảnh dòng tiền phân hóa giữa các nhóm ngành. Độ rộng thị trường nghiêng về phía giảm với 140 mã tăng, 167 mã giảm và 58 mã đứng giá. Thanh khoản HoSE cải thiện rõ rệt lên 24,9 nghìn tỷ đồng, tăng gần 30,0% so với phiên trước, cho thấy dòng tiền vẫn duy trì trạng thái tích cực. HNX-Index tăng 0,5% lên 254,6 điểm (+1,3 điểm), phản ánh xu hướng dịch chuyển dòng tiền sang nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ.

VN30 giảm 0,5% xuống 2.043,5 điểm với 12 mã tăng, 14 mã giảm và 2 mã đứng giá. Diễn biến ngành, nhóm Viễn thông (+5,6%) và Dầu khí (+4,5%) dẫn dắt thị trường nhờ giá dầu duy trì ở mức cao trong bối cảnh căng thẳng Trung Đông, bên cạnh Dịch vụ tiện ích (+2,7%) và Bảo hiểm (+1,7%). Ở chiều ngược lại, Bất động sản (-1,6%), Du lịch & Giải trí (-1,4%) và Dịch vụ tài chính (-0,5%), trong khi nhóm Ngân hàng gần như đi ngang (+0,1%).

Khối ngoại bán ròng khoảng 1470 tỷ đồng trên HoSE, tập trung chủ yếu tại các cổ phiếu vốn hóa lớn như FPT (-382,7 tỷ đồng), ACB (-259,9 tỷ đồng), VHM (-242,3 tỷ đồng), STB (-193,1 tỷ đồng). Ở chiều mua ròng, MSB dẫn đầu với giá trị 545,2 tỷ đồng. Diễn biến dòng vốn cho thấy xu hướng dịch chuyển từ nhóm công nghệ và bất động sản sang nhóm ngân hàng thương mại cổ phần và tài nguyên năng lượng.

Chúng tôi khuyến nghị: 1) Đối với nhà đầu tư có tỷ trọng cổ phiếu cao: VNIndex xác lập đỉnh mới là tín hiệu kỹ thuật tích cực, song độ rộng thị trường âm và chưa đến một phần ba số mã ghi nhận mức tăng cho thấy đã phục hồi phụ thuộc vào số ít cổ phiếu vốn hóa lớn. Có thể cân nhắc chốt lời từng phần tại các vị thế đã đạt mục tiêu và hạn chế gia tăng thêm trong bối cảnh đã tăng thiếu chiều rộng; 2) Đối với nhà đầu tư có tỷ trọng tiền mặt cao: Thanh khoản cải thiện mạnh tạo cơ sở để giải ngân có chọn lọc, ưu tiên Bất động sản và Ngân hàng là hai ngành đang dẫn dắt xu hướng với dòng vốn rõ ràng. Tránh phân bổ vào nhóm Dầu khí khi giá dầu toàn cầu tiếp tục điều chỉnh..

Hình 2: DIỄN BIẾN NGÀNH

Ngành	Tỷ trọng	P/E	P/B	Thay đổi (%)				
				1D	1M	YTD	1Y	KL
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	4,3	173,8	3,7	0,2	4,8	-3,2	14,9	35,2
Hàng tiêu dùng thiết yếu	6,7	19,8	4,8	0,7	-2,7	-9,5	10,4	27,7
Năng lượng	2,7	15,7	2,0	4,6	6,9	62,1	119,0	162,3
Tài chính	36,5	12,0	1,7	0,1	1,7	3,4	28,8	42,1
Chăm sóc sức khỏe	0,4	16,6	2,4	0,4	-3,6	-5,0	1,1	633,6
Công nghiệp	7,1	24,5	4,4	-0,2	2,5	-3,2	45,1	45,6
Công nghệ thông tin	1,5	12,8	3,0	0,1	-7,0	23,6	-27,1	30,0
Vật liệu xây dựng	5,9	19,4	1,9	0,8	1,7	14,6	22,5	115,3
Bất động sản	30,7	98,6	7,9	-1,6	29,3	23,2	321,3	59,0
Dịch vụ tiện ích	3,8	14,6	2,3	4,0	0,8	9,6	25,0	228,2

Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Điểm tin

Tin vĩ mô thế giới

- **Thế giới:** Căng thẳng Mỹ - Iran tiếp tục leo thang khi Donald Trump tái khẳng định lập trường cứng rắn về vấn đề hạt nhân, trong khi Iran mở rộng kiểm soát tại eo biển Hormuz và đẩy mạnh hợp tác năng lượng với các nước trong khu vực. Diễn biến bế tắc tại tuyến vận tải dầu mỏ quan trọng này khiến giá dầu Brent tăng vượt USD107/thùng.
- **Mỹ:** Lạm phát tháng 4 tăng mạnh với CPI đạt 3,8% svck, (tháng 3: 3,3%), mức tăng lớn nhất kể từ tháng 05/2023 do giá năng lượng leo thang bởi căng thẳng Iran. Lạm phát lõi tăng lên 2,8% svck, trong khi thị trường lao động duy trì trạng thái tương đối ổn định khi cả hoạt động tuyển dụng và sa thải đều ở mức thấp, với số việc làm khu vực tư nhân tăng trung bình 33 nghìn việc làm/tuần (kỳ trước: 30,25 nghìn).
- **Nhật Bản:** Tín dụng ngân hàng tháng 4 tăng 5,4% svck, vượt dự báo và ghi nhận mức tăng mạnh nhất kể từ tháng 3/2021, trong khi thặng dư tài khoản vãng lai tháng 3 mở rộng lên 4.682 tỷ JPY từ mức 3.933 tỷ JPY của kỳ trước.

Tin vĩ mô trong nước

- Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn yêu cầu thúc đẩy chuyển đổi số thực chất trong Quốc hội, nghiên cứu thành lập Trung tâm AI riêng và tiếp tục triển khai Nghị quyết 57-NQ/TW nhằm tăng cường ứng dụng AI và dữ liệu số trong hoạt động lập pháp, giám sát.
- Đại hội đại biểu toàn quốc MTTQ Việt Nam lần thứ XI đã bế mạc sau 2,5 ngày làm việc, thông qua phương hướng nhiệm kỳ 2026–2031 với 15 chỉ tiêu và 7 chương trình hành động. Đại hội cũng hiệp thương cử 397 thành viên tham gia Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam khóa XI, đồng thời nhấn mạnh vai trò củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong giai đoạn mới.

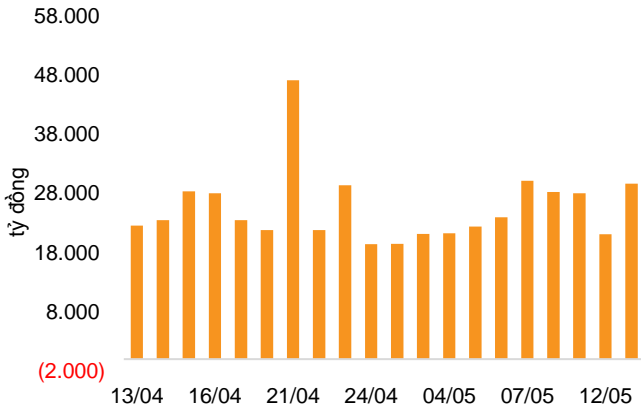
Tin ngành và doanh nghiệp

- **FPT:** LNTT lũy kế 4T/26 đạt 3.787 tỷ đồng (+18,0% svck), trong khi lãi ròng đạt 3.343 tỷ đồng (+15,0% svck), hoàn thành gần 33% kế hoạch lợi nhuận năm nhờ mảng CNTT nước ngoài và chuyển đổi số duy trì tăng trưởng tích cực.
- **SJC:** LNST năm 2025 đạt mức kỷ lục hơn 425 tỷ đồng (+9,0% svck) dù doanh thu giảm mạnh 56,0% xuống 14.031 tỷ đồng, mức thấp nhất trong 10 năm.
- **PJICO:** Doanh nghiệp dự chi hơn 133 tỷ đồng cổ tức tiền mặt năm 2025 với tỷ lệ 12,0% (1.200 đồng/cp). LNST Q1/26 đạt hơn 77 tỷ đồng (+8,0% svck), hoàn thành gần 30,0% kế hoạch lợi nhuận năm.

Lịch dữ liệu vĩ mô dự kiến trong tuần

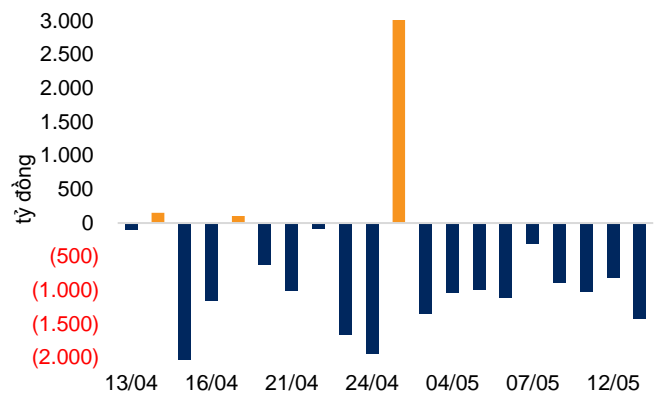
Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
Thứ Hai, 11/05/2026	Trung Quốc	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) và chỉ số giá sản xuất (PPI) tháng 4/2026
Thứ Ba, 12/05/2026	Mỹ	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 4/2026
Thứ Tư, 13/05/2026	Mỹ	Chỉ số giá sản xuất (PPI) tháng 4/2026
Thứ Năm, 14/05/2026	Mỹ	Doanh số bán lẻ tháng 4/2026

Hình 3: GIÁ TRỊ GIAO DỊCH HOSE TRONG 20 PHIÊN



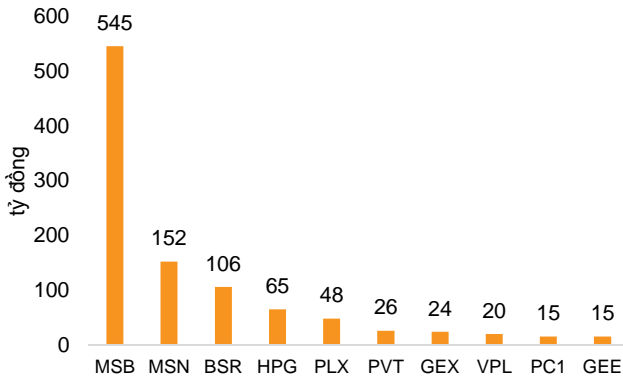
Nguồn: WITS, VNDIRECT RESEARCH

Hình 4: MUA/BÁN RÒNG KHỎI NGOẠI HOSE TRONG 20 PHIÊN



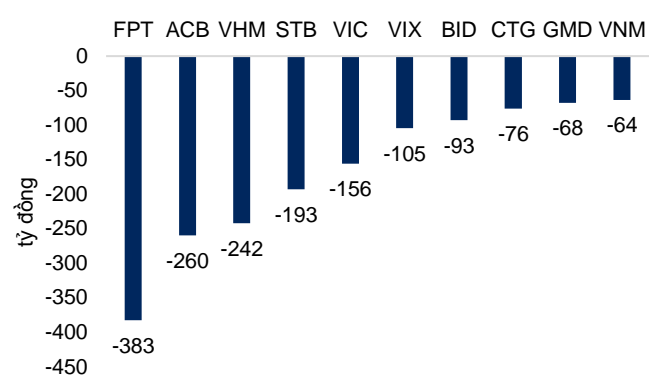
Nguồn: WITS, VNDIRECT RESEARCH

Hình 5: TOP 10 MUA RÒNG TRONG NGÀY



Nguồn: FIINPRO, VNDIRECT RESEARCH

Hình 6: TOP 10 BÁN RÒNG TRONG NGÀY



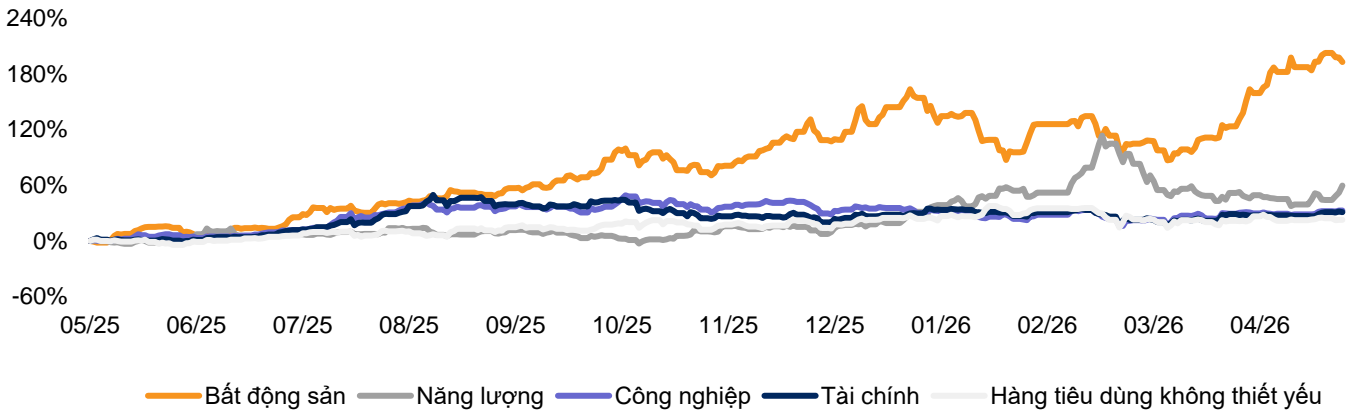
Nguồn: FIINPRO, VNDIRECT RESEARCH

Hình 7: DIỄN BIẾN CHỈ SỐ TOÀN CẦU

Quốc gia	Chỉ số	1D (%)	YTD (%)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	GTGD TB 3T (triệu USD)	Lợi suất TPCP 5 năm	Vốn NN từ đầu năm	Tỷ giá (% MoM)	Tỷ giá (% Svck)
Trung Quốc	Shanghai Index	0,7%	6,9%	19,0	1,6	-11,9%	2,2%	152.748	1,5%	17.878	0,6%	6,1%
Ấn Độ	NSE500 Index	0,7%	-6,0%	23,8	3,4	15,0%	1,2%	10.692	6,8%	-22.630	-2,5%	-10,9%
Indonesia	JCI Index	-1,9%	-22,2%	16,0	1,8	11,7%	3,7%	1.007	6,6%	-2.328	-2,1%	-4,9%
Singapore	FSTAS Index	1,1%	8,1%	17,7	1,5	9,0%	4,4%	1.568	1,7%	1.146	0,1%	2,2%
Malaysia	FBME Index	-0,1%	5,2%	17,0	1,5	8,3%	3,7%	734	3,4%	373	1,2%	10,0%
Philippines	PCOMP Index	-0,5%	-3,2%	8,6	1,0	10,6%	3,8%	102	5,8%	-76	-2,0%	-9,2%
Thái Lan	SET Index	2,3%	20,5%	12,8	1,4	8,5%	4,5%	2.056	1,5%	611	-1,0%	2,6%
Việt Nam	VN-Index	-0,1%	6,4%	15,5	2,2	15,1%	1,4%	913	4,0%	-1.883	0,0%	-1,5%

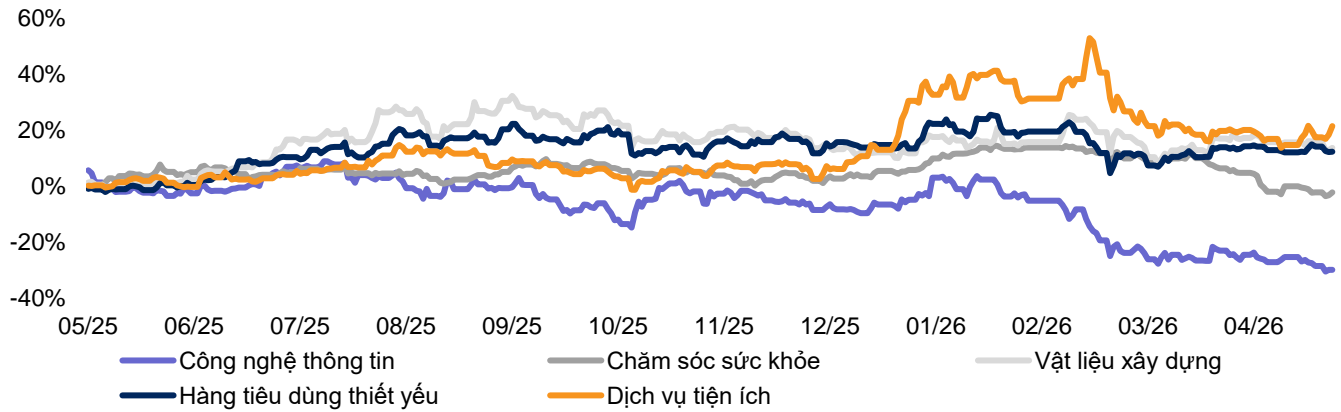
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 8: TOP 5 NGÀNH CÓ HIỆU SUẤT TỐT NHẤT TRÊN HOSE (CẬN TRÊN)



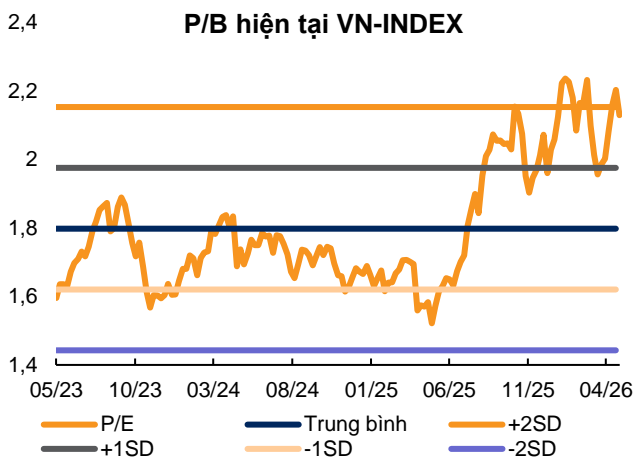
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 9: TOP 5 NGÀNH CÓ HIỆU SUẤT TỐT NHẤT TRÊN HOSE (CẬN DƯỚI)



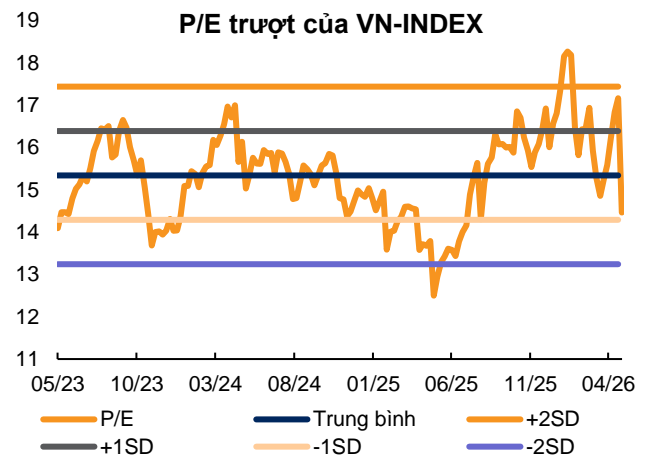
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 10: P/B HIỆN TẠI



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 11: P/E TRƯỢT



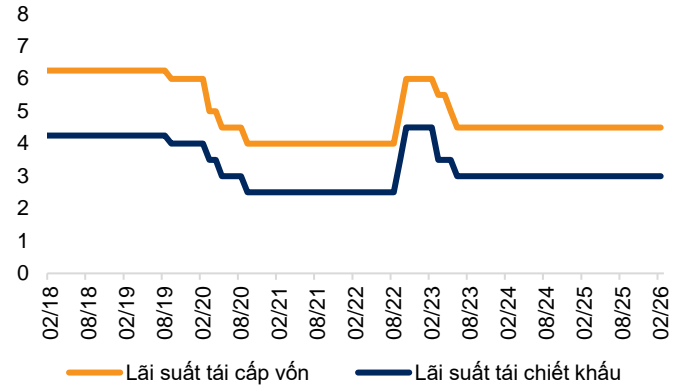
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 12: DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Thị trường tiền tệ	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1D	1M	YTD	1Y
Lợi suất TPCP Việt Nam 5 năm (%/năm)	4,04	-0,2	-0,6	24,2	65,4
Lãi suất liên ngân hàng qua đêm (%/năm)	6,35	-4,5	36,6	284,8	54,9
Lãi suất liên ngân hàng 1 tháng (%/năm)	6,63	0,8	-12,0	-19,6	52,4
USD/VND	26.350	-0,1	0,0	-0,2	-1,5
DXY	98,49	0,2	0,1	0,2	-2,5
Lợi suất TPCP Mỹ 10 năm (%/năm)	4,46	0,0	3,9	7,1	-0,1
Lợi suất TPCP Mỹ 3 năm (%/năm)	4,01	-0,3	5,9	13,4	0,6

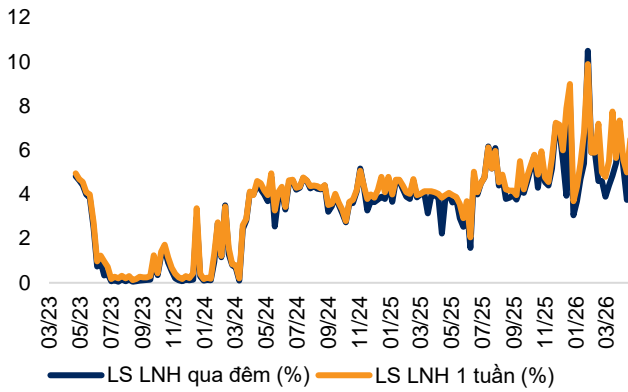
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 13: LÃI SUẤT CƠ BẢN NHNN VIỆT NAM



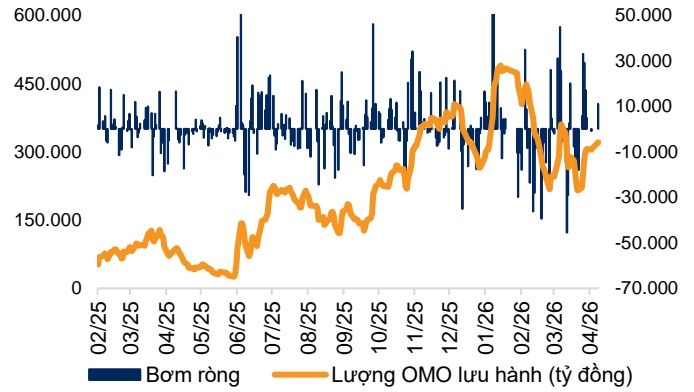
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 14: LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG



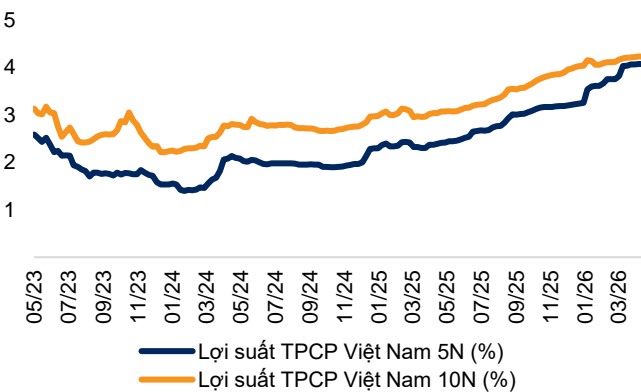
Nguồn: SBV, FIINPRO, VNDIRECT RESEARCH

Hình 15: NHNN BƠM/HÚT QUÁ KÈNH OMO



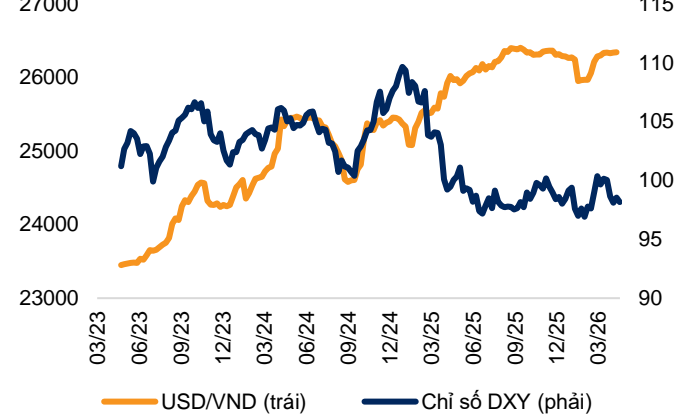
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 16: LỢI SUẤT TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 17: TỶ GIÁ



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 19: DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

Năng lượng	1 ngày	1 tháng	1 năm
WTI	-0,8%	2,3%	59,3%
Brent Crude	-0,6%	7,8%	60,8%
JKM LNG	0,1%	-5,1%	60,0%
Henry Hub LNG	0,1%	-11,9%	48,5%
NW Thermal Coal	2,8%	9,8%	-8,8%
Singapore Platt FO	1,2%	12,0%	67,5%

Kim loại quý	1 ngày	1 tháng	1 năm
Vàng	0,4%	-0,8%	44,9%
Vàng SJC trong nước			
Bạc	2,1%	14,9%	164,5%
Bạch kim	0,8%	3,6%	115,3%

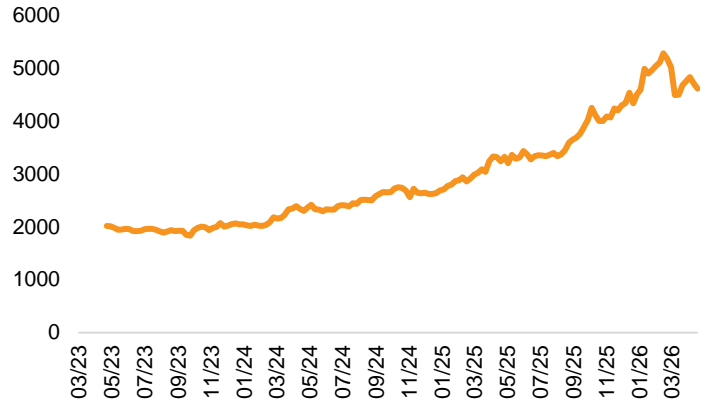
Kim loại cơ bản	1 ngày	1 tháng	1 năm
Vonfram	0,0%	0,0%	632,1%
Đồng	1,9%	10,3%	41,1%
Nhôm	-0,5%	1,9%	46,6%
Niken	-1,6%	10,1%	21,4%
Kẽm	1,3%	4,8%	9,0%
Chì	NA	NA	NA
Thép	0,2%	1,5%	-2,7%
Quặng sắt	-0,2%	5,5%	7,0%

Nông sản	1 ngày	1 tháng	1 năm
Gạo	1,2%	11,5%	-2,2%
Arabica	-1,3%	-1,8%	-22,9%
Đường	0,4%	10,2%	-17,3%
Cacao	-2,8%	38,7%	-51,8%
Dầu cọ	-1,1%	-3,1%	NA
Bông	0,7%	16,7%	31,2%
Sữa bột	-0,2%	0,2%	-7,8%
Lúa mì	-0,9%	13,2%	31,4%
Đậu tương	-0,3%	4,1%	13,3%
Hạt điều	NA	0,0%	2,8%
Cao su	1,8%	8,2%	29,0%
Urê	-4,9%	-5,2%	96,4%

Chăn nuôi	1 ngày	1 tháng	1 năm
Heo hơi	0,1%	0,2%	0,2%
Gia súc	-0,7%	-1,6%	14,2%

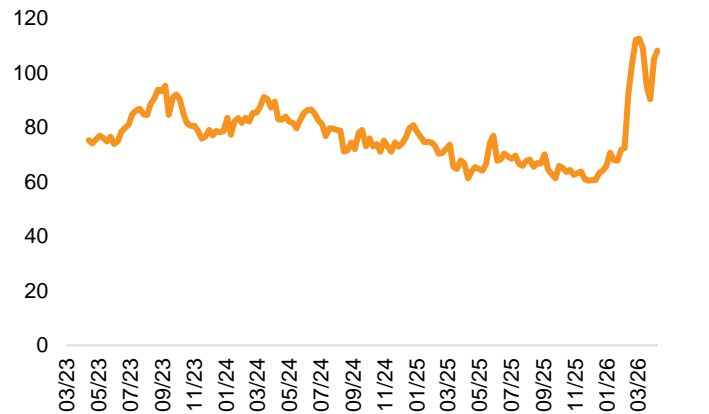
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 16: GIÁ VÀNG



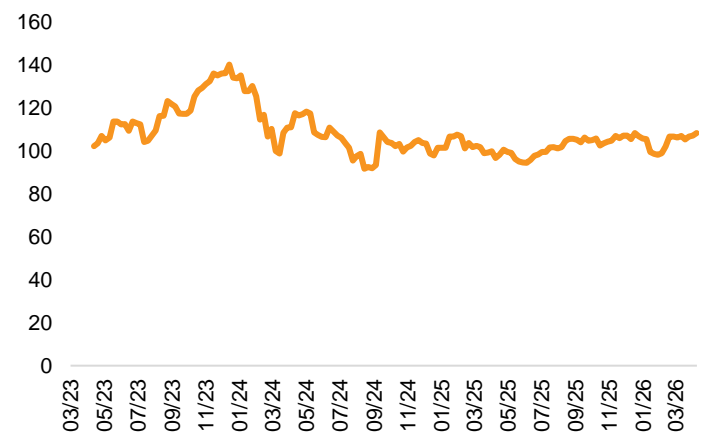
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 17: GIÁ DẦU BRENT



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 18: GIÁ QUẶNG SẮT



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Danh mục cổ phiếu theo dõi của VNDIRECT RESEARCH

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Hàng không										
ACV	6.050	2,1	2.850	44.500	73.300	65,9%	1,2%	14,9	2,2	16%
AST	123	0,0	4	72.000	85.400	22,1%	3,5%	11,0	4,7	47%
HVN	2.497	1,2	541	21.150	43.400	108,1%	2,9%	8,3	11,1	
VJC	3.886	8,4	918	173.100	113.600	-33,8%	0,6%	39,3	3,9	11%
Bán lẻ										
BAF	410	2,7	194	35.550	37.200	4,6%		56,2	2,7	4%
DGW	347	3,9	89	41.400	49.600	22,2%	2,4%	14,2	2,5	19%
FRT	889	2,4	150	137.500	150.300	9,6%	0,3%	25,6	5,3	28%
MCH	6.386	2,0		130.000	147.000	14,6%	1,6%	24,5	9,8	42%
MWG	4.664	23,7	-2	83.700	96.300	16,2%	1,2%	15,0	3,5	25%
PNJ	1.352	5,8	11	69.600	109.900	58,9%	1,0%	10,2	2,5	28%
QNS	684	0,3	278	49.000	53.400	13,1%	4,1%	8,1	1,4	18%
SAB	2.266	1,6	940	46.550	59.900	35,1%	6,4%	12,8	2,7	21%
VHC	521	2,5		61.200	71.300	19,8%	3,3%	9,2	1,4	16%
VNM	4.703	13,3	2.403	59.300	74.800	30,9%	4,8%	13,5	3,8	28%
Tài chính										
ACB	4.386	11,8	186	22.500	31.300	43,0%	3,9%	7,1	1,2	18%
BID	11.825	12,9	1.470	42.800	47.200	11,3%	1,1%	9,7	1,7	18%
CTG	10.479	13,1	505	35.550	49.000	38,7%	0,9%	7,2	1,5	22%
HDB	5.262	14,1	275	27.700	39.500	44,9%	2,3%	7,6	1,7	25%
LPB	6.179	3,0	252	54.500	33.400	-33,2%	5,5%	14,6	3,3	23%
MBB	7.887	19,4	20	25.800	32.900	29,5%	1,9%	7,5	1,4	21%
STB	5.259	22,9	928	73.500	45.700	-37,0%	0,8%	18,1	2,3	8%
TCB	9.036	15,9	3	33.600	40.300	22,0%	2,1%	9,1	1,3	16%
TPB	1.642	8,2	93	15.600	17.800	20,2%	6,1%	5,9	1,0	18%
VCB	19.058	19,2	1.904	60.100	69.300	16,1%	0,7%	14,0	2,1	16%
VIB	2.060	3,9	4	15.950	23.600	53,6%	5,6%	7,2	1,1	16%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VPB	8.355	16,9	457	27.750	37.100	35,5%	1,8%	8,4	1,3	16%
Dệt may										
MSH	154	0,6	65	36.100	40.600	15,2%	2,8%	6,6	2,1	33%
TCM	98	1,1	2	23.000	29.800	31,7%	2,2%	11,2	1,1	10%
Khu công nghiệp										
BCM	2.086	1,5	690	53.100	68.600	31,3%	2,1%	16,4	2,5	16%
GMD	1.321	6,1	94	81.600	72.000	-9,1%	2,7%	19,9	2,5	13%
HAH	371	4,8	80	57.900	55.400	-3,0%	1,3%	8,1	2,1	27%
VSC	313	7,1	150	22.000	19.100	-10,9%	2,3%	30,1	1,6	6%
IDC	628	4,6	202	43.600	45.600	8,0%	3,4%	8,9	2,5	31%
KBC	1.165	4,9	470	32.600	30.000	-6,8%	1,2%	19,9	1,2	7%
PHR	338	1,0	119	65.800	68.400	6,0%	2,1%	13,5	2,1	16%
VTP	442	1,8	198	67.300	129.200	93,2%	1,2%	32,0	6,3	21%
Tài nguyên cơ bản										
DGC	713	12,6	303	49.500	128.300	165,3%	6,1%	7,6	1,2	17%
HPG	7.894	43,6	2.105	27.100	30.000	12,5%	1,8%	9,9	1,5	16%
Dầu khí										
BSR	5.739	21,4	2.729	30.200	16.700	-43,3%	1,4%	11,6	2,2	21%
GAS	7.491	8,9	3.511	81.800	78.400	-1,7%	2,5%	17,0	2,9	18%
OIL	601	4,4	37	15.300	14.800	-1,6%	1,6%	44,6	1,5	3%
PLX	1.946	10,8	105	40.350	47.700	21,2%	3,0%	29,5	2,0	10%
PVD	715	8,9	278	33.900	32.600	3,5%	7,4%	16,1	1,1	7%
PVS	796	12,8	260	41.000	41.800	3,5%	1,6%	10,8	1,4	13%
PVT	421	9,9	149	23.600	23.400	0,1%	1,0%	9,7	1,2	13%
Phân bón - Hóa chất										
DPM	704	10,5	316	27.300	22.700	-13,7%	3,2%	16,2	1,6	11%
DCM	874	9,8	340	43.500	40.000	-3,4%	4,6%	11,2	2,0	19%
DDV	148	1,9	67	26.700	39.700	52,1%	3,4%	6,2	1,7	31%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
PLC	69	0,6	33	22.400	34.100	54,5%	2,2%	#N/A N/A	1,4	9%
Điện										
POW	1.653	9,9	775	14.550	14.400	0,1%	1,1%	17,6	1,2	7%
Điện và BĐS										
HDG	350	2,9	110	24.900	37.400	52,2%	2,0%	13,8	1,4	10%
PC1	283	9,0	104	18.150	26.500	46,0%	0,0%	8,1	1,1	15%
REE	1.252	3,1	0	60.900	76.600	27,4%	1,6%	12,5	1,6	13%
Bất động sản										
DXG	673	10,1	199	15.950	18.300	27,3%	12,5%	75,0	1,2	2%
KDH	992	4,6	234	23.300	41.800	80,7%	1,3%	23,3	1,4	6%
NLG	484	3,6	46	26.300	42.200	62,2%	1,7%	19,5	1,0	6%
VHM	23.772	28,8	10.000	152.500	93.600			9,7	2,4	28%
VRE	2.846	8,4	1.029	33.000	32.000	0,2%	3,2%	10,9	1,5	15%
Công nghệ										
FPT	4.571	37,8	880	70.700	118.200	68,6%	1,4%	12,4	3,1	27%

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân Tích & Tư Vấn Đầu Tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ**Hội sở**

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội
ĐT: +84 24 3972 4568
Fax: +84 24 3972 4568

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tòa nhà 90 Pasteur,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
ĐT: +84 28 7300 0688
Fax: +84 28 3914 6924

Chi nhánh Đà Nẵng

57 Duy Tân,
Phường Hoa Cường, Đà Nẵng
ĐT: +84 511 382 1111
Fax: NA

Chi nhánh Vinh – Nghệ An

204, tờ bản đồ số 01, khối Yên Vinh,
Phường Trường Vinh, Nghệ An
ĐT: +84 23 8730 2886
Fax: NA

Chi nhánh Cần Thơ

Tầng 3 Tòa nhà STS, 11B Hòa Bình,
Phường Ninh Kiều, Cần Thơ
ĐT: +84 710 3766 959
Fax: NA

Chi nhánh Quảng Ninh

Tầng 1, 2, 3, Khu CC Việt Hàn,
Phường Hồng Gai, Quảng Ninh
ĐT: +84 98 8619 695
Fax: NA

Chi nhánh Thanh Hoá

Tầng 2, số 11 Hạc Thành
Phường Hạc Thành, Thanh Hóa
ĐT: +84 90 3255 202
Fax: NA

Chi nhánh Bình Dương

Tầng 1, 280 đường 30/04, Khu 03,
Phường Thủ Dầu Một, TP. HCM
ĐT: +84 27 4222 2659
Fax: +84 27 4222 2660

Chi nhánh Nam Định

88-90 Phạm Sư Mạnh,
Phường Nam Định, Ninh Bình
ĐT: +84 22 8352 8819
Fax: NA